

PHẬT-GIAO HỘI  
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

# ĐUỐC - TUÊ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1<sup>o</sup> VÀ 15

Báo quan ở chùa Quán Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ nhiệm: Nguyễn-năng Quốc  
Chánh hội trưởng hội Phật-giao  
Quản-lý Cung-dinh-Cin

Chánh chủ bút: Phan-chung-Ti  
Sư cụ chùa Hàng-ô  
Phó chủ bút: Dương-vân-Hi  
Sư cụ chùa Tả-Cái

**GIÁ BÁO**: Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

# MỤC LỤC

	Số trang
Đạo Phật với Thế gian ..	3-16
Việt-nam Thiên-tông thế hệ (tiếp theo) ..	17-18
Lễ khánh thành chi giảng Ngọc-nha Hưng-yên ..	19-20
Bài chúc từ của chi Ngọc-nha ..	20-24
Văn Uyên ..	24-25
Lời tuyên cáo của Hội Annam Phật-học ..	25-27
Lễ Phật đàn ..	27-28
Thực hành cứu khổ ..	28-30
Tây Vực ký ..	31-34
Khóa-Hư giảng yếu ..	35-38
Phương danh các vị cùng tiền công đức làm chùa ..	39
Cổ gáí Phật hải châu tiêu thuyết (tiếp theo) ..	40-43
Thời sự ..	44-45

## TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CỠ

M. Kê-Thần N. 58 Rue Chancelme Hanoi, viên tịch ngày 7 Mai 1939.

Sư cụ Phả-Trình trụ-trì chùa Lương Khê, Huyện Nam-sang Hanam, viên tịch ngày 14 Juin 1939.

Mme Nguyễn thị Tài, 40 Phố Nguyễn Trãi Hanoi, viên tịch ngày 18 Juin 1939

M. Lục-Hầu dit Wing-Nam ở Hanoi, viên tịch ngày 21-6-39.

Mme Phùng thọ Thành, 53 Hàng Đào Hanoi, viên tịch ngày 26 Juin 1939.

M. Trần viết Soạn, 18 Rue Delorme Hanoi, viên tịch ngày 16 Juin 1939.

Mme Trần thị Chung, 64 Phố Hàng Nâu Hanoi viên tịch ngày 16 Juin 1939.

Mme Nguyễn thị Quế, ở làng Yên lãng, Hoàn long Hà đông, viên tịch ngày 16 Juin 1939.

## ĐẠO PHẬT VỚI THẾ-GIAN

Bài diễn văn của quan Ấn Phú-thọ Nguyễn-huy-Xương đọc tại chùa Quán-sứ tối hôm rằm tháng tư năm Kỷ-mão (1939)

Hôm nay là ngày lễ mừng Đức Phật Thích-Ca đã giáng sinh, tôi xin đem một vài sự thật về người ra nói, sau nữa xin thử lược xét xem thế-giới ngày nay đối với đạo Phật như thế nào.

Nhưng sự tích tôi sẽ kể ra đây thì phần nhiều lấy ở những biệt-sử bên Ấn-độ; các kinh sách nước ta không thấy chép đến. Tôi xem thấy ở sách những nhà văn học Ấn-châu khảo cứu về đạo Phật, các nhà ấy cũng theo kinh điển Ấn-độ mà phiên dịch ra, cho nên tôi thiết tưởng nên thuật lại là để cùng thêm giọng kiến-vấn.

Ta thường thấy sách chép truyện những bậc xuất-quần xuất-chúng, như các bậc đế vương; những bậc danh thần lương-tướng. đều nói đến những điềm lạ đã nghiệm thấy khi những bậc ấy sắp ra đời hoặc sắp tử đi; nhưng điềm lạ ấy đã nghiệm thấy, chứ không phải là bày đặt ra, mà các sách sử phương Đông phương Tây đều có nói cả, thì những điềm lạ ấy. ta không thể cho là vu-khoát hết được.

Về lịch sử đức Bửu-sư thì chúng ta đã biết rồi: Người là con vua Tịnh-Phạn và bà Hoàng-hậu Ma gia; kể từ ngày người giáng sinh cho đến nay thì tính được vào 2199 năm. Người đã sinh 560 năm trước chúa Gésus (Giê du).

Một đêm Hoàng-hậu Ma-gia nằm mộng thấy một con bạch tượng trắng như tuyết, mỗi bên mặt có ba ngà, bay ở trên giới xương trui vào bụng Hoàng-hậu; ngay lúc ấy lại thấy đủ các thần tiên cùng đến cử những khúc thiên-

nhạc, tai nghe vui sướng nói không siết được. Hoàng-bậu liếc mộng thì thấy trong người khoau khoái, tâm thần sáng khái, tức là thụ thai Thái-tử từ đấy.

Lúc sinh ra Thái-tử cũng có điềm lạ : như là phát hào quang rực rỡ, chiếu sáng khắp mười phương. Bên Trung hoa, bấy giờ là đời nhà Châu ở Điện Vua Chiêu Vương cách sa Tây-Trúc hàng triệu thiên lý mà cũng trông thấy hào quang. Quan Thái-sử xem điềm lạ đã biết là bên Phương-tây có một bậc Đại-Thánh Đại-Hiên xuất hiện mà giáo lý thì một nghìn năm sau sẽ truyền bá vào Trung-Hoa. Vua Chiêu Vương có sai khắc việc ấy vào bia đồng để đời sau ghi nhớ ; chuyện này sách sử có chép rõ ràng ; như thế là ta có thể tin là có được.

Tục còn truyền rằng có chín con rồng xuống pha nước tắm cho Thái-Tử, có các thiên thần xuống hòa nhạc và tung hoa, những sự ấy thì không biết có đích xác hay không.

Thái-tử khi lớn lên đặt tên là Tất-đạt-đa.

Phu-vương có lấy ba bà vợ cho Thái-tử ; một bà là Gôpa, một bà là Yocodara, một bà là Ciopa, và có làm cho cung điện cực kỳ đẹp, mong để lưu-luyến Thái-tử ở cuộc đời, song le Thái-tử không lúc nào quên được nỗi khổ của chúng sinh nên vẫn quyết trí xuất gia cầu đạo : một đêm Thái-tử cưỡi ngựa vượt thành ra đi.

Khi Thái-tử xuất gia rồi thì Bà vợ là Yocodara (gia-du) sinh hạ hoàng-tôn.

Tục truyền lúc Thái-tử sắp vượt thành ra đi có nghĩ rằng : « Bằng nay ta bỏ đi, tất Phụ Vương sẽ sót thương vô cùng : nhưng nếu được có hoàng-tôn thì Phụ Vương sẽ đỡ buồn rầu » nghĩ vậy bèn đến vuốt bụng Bà Yocodara rồi ra bước chân lên ngựa.

Bà Yocodara (gia-du) thụ thai 12 tháng sinh hạ ra Hoàng-tôn đặt tên là Rabula (La-hầu-la) có một hóm

bà Gia-du đưa hoàng-tôn ra chơi hồ sen là nơi mà khi trước Thái-tử vẫn hay đến tắm mát, nhân Bà trông thấy hòn đá địa bờ hồ xưa kia Thái-tử thường ngồi nghỉ, Bà bèn đặt Hoàng-tôn lên hòn đá ấy mà khấn rằng :

« Thái-tử lạt-đạt-da đi tu đạo, đứa trẻ này có phải là con Thái-tử chăng, thì được vô ngại ; nếu không phải con Thái-tử thì mẹ con tôi sẽ cùng chìm dưới đáy hồ này ». Khấn xong, Bà Gia-du liền lấy chân dẫm Hoàng-tôn xuống nước ; nhưng lạ thay ! hòn đá cũng chôi theo, hòn đá chôi quanh hồ một vòng rồi lại về chỗ cũ Hoàng-tôn vẫn ngồi nguyên trên hòn đá không lay động gì.

Từ đấy Phụ-vương biết La-hầu-La đích phải là con Thái-tử, không còn nghi hoặc gì, hết lòng thương yêu.

Thái-tử xuất gia, năm 29 tuổi, trong sáu năm tu hành rất khổ hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một hạt gạo, một hạt vừng, thân-thề gầy còm mệc nhọc, gần đến lúc không đi đứng được nữa, mà vẫn không thành được đạo.

Bấy giờ Thái-tử biết rằng không phải cứ một mực chịu khổ hạnh mà đắc đạo, bèn lại ăn uống như thường để cho người lại được khỏe mạnh.

Lúc này là lúc sắp thành đạo quả, thì một đêm Thái-tử chiêm bao thấy 5 việc liêu nhau :

1. là Thái-tử nằm trên một cái ruộng kê liền mặt đất, đầu gối lên núi Tuyết-sơn ; tay phải giang ra khắp mặt bể Đông ; tay trái giơ <sup>đ</sup> khắp mặt bể Tây ; chân duỗi ra khắp mặt bể Nam.

2. là Thái-tử thấy ở đốn mọc lên một cây xây cao vót lên đến giới xanh.

3. thấy những râu bọ không biết cơ man nào, bò từ chân lên, rồi dần dần phủ kín khắp cả người.

4. rồi lại thấy ở bốn phương trời có không biết bao nhiêu là chim bay kín tự chân trời hay lại, khi bay đến gần mặt thì trông ra toàn là chim bằng vàng.

5. Thái-tử thấy mình đứng ở chân một quả núi toàn những đờ bản phân-gio; Thái-tử bèn leo lên đỉnh núi rồi lại đi xuống, khi xuống thì thấy các đờ bản phân gio đã biến sạch đi hết.

Thái-tử tỉnh giấc mộng biết là sẽ được thành chính giáo tin là thành Phật.

Hôm sau Thái-tử đi đến gần nhà một người đàn bà tên là Soujata. Bà này đang nấu một nồi dầy sữa bò mới vắt xong. Bà thấy lửa cháy to mà không thấy khói lên; trong nồi sữa sôi bọt lên thực nhiều mà không chần ra ngoài; bọt sữa lại sôi nguyên về một chiều tay phải; Bà thấy vậy liền gọi người ở tên là Purna bảo rằng: « người ra ngoài xem có phải có vị Bồ-tát đi đến gần nhà ta chăng? »

Purna ra coi rồi về nói rằng: « Tôi thấy Thái-tử đi qua gần kia ». Bà Soujata vội hòa bột-tinh và mật-ong vào sữa rồi rót cả vào một chiếc bát bằng vàng đem ra dâng Thái-tử.

Thái-tử nom thấy bèn nghĩ rằng: « Xưa kia, các Bồ-tát hễ thấy có người tự nhiên đem cúng dâng thực phẩm trong bát bằng vàng thì biết là đã đến lúc được thành Phật; nay ta cũng đã đến ngày thành Phật rồi vậy ».

Thái-tử mới hỏi Bà Soujata rằng: Cái bát bằng vàng này dùng việc gì vậy?

Bà Soujata nói: Tàu Thế-tôn, tôi đem kính dâng Thế-tôn.

Thái-tử nói: « Tôi có làm gì đến cái bát bằng vàng này ».

Bà Soujata thưa : tâu Thế-tôn, xin tùy tâm Thế-tôn.

Thái-tử cầm bát sữa đến bờ sông, ăn xong sữa ném bát xuống sông tức thời nước sông trong vắt lại. Thái-tử xuống tắm rồi lên bờ đi đến gần người cắt cỏ mà hỏi rằng : « Ta đến gốc cây Bồ-đề kia nhập định cho thành chính giác ; người cho ta một nắm cỏ tươi để ngồi được không ? »

Người cắt cỏ đem cỏ giải dưới gốc cây, Thái-tử ngồi mà thề rằng : nếu nài đấy mà không giác ngộ được thì dành để thối nát sương tan.

Thái-tử ngồi 49 ngày, đến ngày 15 tháng riêng lúc sao mai mọc thì được giác ngộ, tức là biểu xuất được muôn vạn kiếp về trước, muôn vạn kiếp về sau, hiểu thấu bản tính của nhất thiết sự vật ở thế gian, lấy hào quang soi khắp ba nghìn Đại thiên thế giới, trừ sạch được tham, sân, si, trong tâm, tức là thành Phật hiệu là Thích-ca mau-ni.

Phật đi thuyết Pháp 44 năm, đến năm 80 tuổi thì tịch nhập nát-bàn.

Nay xin lược thuật sự tịch lúc Phật tịch nhập nát-bàn như thế nào. Về đoạn sự tịch này thì các nhà khảo cứu bên Âu-châu theo kinh điển Ấn-độ phiên dịch ra rõ ràng và bàn đi bàn lại rất là tường tận.

Sách chép rằng : bấy giờ Phật đương đóng tịnh xá ở làng Beluva thì bỗng nhiên phải bệnh lạ ; kiệt hết cả sức ; tuy vậy Phật vẫn bình tĩnh như không mà tinh thần rất sáng-khởi linh-hoạt, nên Phật xét thấy chưa phải lúc vào nát-bàn, nên lấy phép thần át hết ngay bệnh đi, rồi lên đứng lên đi lại như cũ.

Các môn đệ thấy vậy, tỏ ra vui mừng lắm. Phật bèn bảo rằng : « Ta nay đã 80 tuổi ; thân thể tựa như cỗ xe gãy tan nát mà lấy giây giàng buộc lại ;

Ta sợ dĩ còn đi đứng được là bởi đã dùng hết thần lực khiến thân-thể nhẹ nhàng cho nên đi đứng được mà thôi.

Liền đấy, Phật cùng ông A-Nan-đa rời sang thành Capala cetiya ; đến thành này ông A-nan-đa bỗng thấy đất dung động ghê-khể, trên giới sấm sét dữ tợn bèn vào tàu Phật hỏi xem là điềm gì.

Phật bảo cho biết đó là điềm hoặc có Phật giáng sinh, hoặc có Phật đắc đạo Vô-thượng chính Đẳng chính giác, hoặc có Phật được vào nát-bàn, mà những điềm mới có ấy là bởi Phật đã định ba tháng nữa thì tịch nhập nát-bàn.

Ông A-nan-đa kêu van xin Phật lưu lại thể gian đề hộ niệm cho Thiên-nhân và A-tu-la.

Phật đáp lại rằng : « ông không biết kêu nài từ trước, nay ta đã quyết định rồi thì không thể thay đổi được ; vả chảng tránh sao khi được li-biệt biệt-li, bởi rằng phạm đã có hợp thì phải có tan, có sinh thì phải có tử, biết thấy hình-sắc đều là phi thường ».

Phật lại di thuyết pháp, khi đi qua thành Vésālī Phật bảo rằng : « Ta coi thấy thành Vésālī hôm nay là lần cuối cùng : bây giờ ta sang thành Bhandagama sang tới Bhamdagama, Phật lại thuyết Pháp, ở đấy có một nhà thợ rèn tên là Cumda xin tiến thực.

Phật hứa cho ; Khi đem dâng các món ăn, Phật gọi ông Cumda ra bảo rằng : « đấy có nấu nhiều sukara maddavan, thứ này chỉ mình ta ăn mà thôi, vì tự thiên, đến nhân đến A-tu-la, phi ta ra thì không ai ăn nó mà được ».

Phật ăn xong còn bao nhiêu sai ông Cumda đem trón xâu xuống đất

Thứ sukara maddavan này chưa xét được đích xác là thứ gì, cũng có nhà khảo-cứu cho là thịt lợn chõ sương



sun mềm mà bàn rắng: người ta thường đề loài lợn ở chỗ phân gio uế tạp, thế mà bữa cuối cùng Phật ăn nguyên một món thịt lợn, là lấy ý nghĩa rằng Phật đã sái tịnh được uế-tạp đề vào nát-bàn.

Nhưng phần nhiều nhà khảo cứu lại bàn khác, cho rằng Phật ở thế gian, hết thầy sùng kính gọi là Thế-tôn thì ai đã xin tiến thực là tất nhiên phải tìm kiếm những thứ ăn rất tinh-khiết, rất quý, không có lẽ nào lại đem dâng thịt lợn. Cứ đem tách bạch nghĩa hai chữ sukara maddavan ra thì la thứ nấm mọc ngầm ở dưới đất, giống lợn đánh hơi thấy đào lên.

Phật ăn bữa cơm ở nhà ông Cumda xong thì bệnh lại phát lên. Phật bảo ông Ananda: « Bấy giờ Ta đi sang thành Kosinara »; nhưng khi đi đường Phật thấy hơi mới bèn ngồi nghỉ dưới gốc cây bảo ông Ananda ra xúc lấy nước uống.

Ông Ananda ra suối xem rồi về lâu rằng: nước suối vừa cạn vừa đục lấm, vì mới có một đàn trâu bò lội qua, xin Phật đi sang sông cả Kakutha.

Phật lại bảo ông Ananda cứ ra xúc lấy nước. Ông Ananda ra đến suối thì thấy vì phép thần nước đã trong vắt lại, vừa mát lạnh vừa rất tinh khiết, bèn lấy đề dâng Phật.

Cũng lúc bấy giờ có người đem dâng Phật hai chiếc áo gấm rất đẹp, lông lánh như vàng nộm. Ông Ananda đem một chiếc mặc vào mình. Phật thì thấy áo đó mất ngay hết màu lông lánh.

Phật bảo ông Ananda rằng: « lúc Phật được giác ngộ và lúc Phật sấp vào nát-bàn thì thân thể rất tinh khiết, phát hào quang, bởi thế mà áo này mất màu lông lánh đi. Sang đêm hôm sau này vào cuối canh năm ta sẽ tới rừng cây sála đề tịch nhập nát-bàn. Bấy giờ ta đi đến sông lớn Kakutha ».

Đến sông Kakutha, Phật xuống tắm, rồi qua sông đi tới rừng những cây soài ; Phật nghỉ lại đây.

Trong môn đồ có một ông gặp chiếc áo làm tư đệ Phật nã n.

Phật nằm nghiêng mình về bên phải, chân nọ vắt lên chân kia, thần uy phát hiện ra, khiến môn đệ trông thấy Phật tựa như đứng trước mặt con sư tử vậy.

Phật lại gọi ông Ananda mà bảo rằng : « một người dâng ta món ăn khi sắp thành Phật và một người dâng ta món ăn khi sắp tịch nhập nát bàn hai người ấy đều được hưởng phúc lành như nhau. Ông nhắc lại nhờ ta nói đó cho nhà thợ rèn Gumda biết... Nay ta đi sang rừng cây sála »...

Khi đến rừng sála, Phật truyền cho ông Ananda sửa soạn chỗ Phật nằm dưới bóng 2 cây sála mọc song hàng gần nhau. Phật nằm đầu gối về phương Bắc.

Bấy giờ không phải mùa cây sála có hoa, nhưng Phật vừa nằm xuống thì hai cây sála đều phát hoa kín từ gốc lên đến ngọn, mà trên giới hoa mưa xuống phủ kín cả chỗ Phật nằm, mùi hương bay ngào ngạt khắp bốn phương.

Phật gọi ông Ananda bảo rằng : « các diêm lạ kia đều là để mừng ta, nhưng ta cũng không lấy thế làm sướng bằng sau này các môn đồ biết ăn ở tuân theo Pháp bảo ».

Lúc này có ông trưởng lão Upavana cầm quạt đứng trước Phật đề quạt hầu, Phật truyền ông này đứng ra nơi khác, rồi bảo ông Ananda rằng :

Ông chớ thấy ta đuổi ông Upavana đi mà lấy làm lạ ; duyên là lúc này có các thiên thần từ thập phương kéo đến mừng ta nhập nát bàn, ông Upavana, người uy ngui đứng tre lấp cả nên ta phải đuổi ông đứng ra một bên ».

Đoạn rồi Phật lại thuyết pháp cho ông Ananda và các môn-đồ hội họp trung quanh Phật, rồi hỏi rằng : « Trong các ông có còn ai chưa hiểu hết về Phật, về Pháp về Tăng thì cho hỏi đi, sau các ông không phải sấn hận rằng không được hỏi ta khi ta còn ở thế-gian ».

Phật thấy các môn-đồ đứng yên lặng cả, Phật lại nói to lên một câu : « các ông nghe đây ! Ta còn dặn các ông điều này nữa : nhất thiết binh sắc đều là phi thường. Các ông phải phấn đấu luôn không được lúc nào ngơi ».

Phật nói xong thì giới dứt dung động, sấm sét âm âm ; ngay lúc ấy Phật phóng hết hào quang hóa vào nát-bản.

Chúng ta nay cách xa lúc Phật tịch đi đã hơn 2400 năm vậy xin thử xem trong khoảng 24 thế-kỷ đã qua ấy thì giáo lý của Phật có kết quả những gì, mà nhân loại đối mấy đạo Phật ngày xưa thế nào ngày nay thế nào ?

Chúng ta thấy rằng khi Phật nhập nát-bản rồi thì các môn đồ phân đi truyền đạo khắp mọi nơi, không những truyền trong một khu vực Ấn-đô mà vượt qua cả các nước bên cõi Á-đông, khắp cả Tây tạng, Trung-hoa, Cao ly, Nhật-bản, Diêm-điện, Siam, Lào, Cao-miên, Việt-nam ta, và các Quần-đảo Tích-lan, Mã-lai, khắp mặt bể phương nam.

Về phương Tây thì Đạo Phật truyền bá qua nước Baty sang đến Syrie nay người ta có tìm thấy di tích những chùa thờ Phật ở đấy, không biết tự đời nào.

Nay chúng ta lại còn thấy xứ Lettonie ở địa phận nước Nga, miền bể Baltique có đến chia ba thì hai phần dân theo Đạo Phật ; như vậy đủ rõ rằng đạo Phật truyền bá vào Âu-châu đã từ thượng cổ vậy.

Một điều ta nên chú ý đến là: các môn đồ nhà Phật đi truyền đạo không phải nhờ vào binh-lực, không phải dùng đến đao kiếm, mà vượt qua thiên sơn vạn hiểm cũng chỉ nhờ có một chiếc gậy trúc mà thôi.

Sở dĩ Đạo Phật truyền bá đi được êm thấm, không bị kích thích, và cũng không gây nên tai họa gì, đi đến đâu được dân chúng hoan hô, là vì giáo lý nhà Phật hợp với nguyện-vọng của từng cá nhân tự hàng tri-thức cho đến hạng độn căn, và hợp với nguyện vọng của toàn thể nhân loại nữa.

Đối mấy bậc tri-thức thì Đạo Phật có những lý thuyết rất cao siêu huyền diệu về tâm thức, về biến-thế của vạn vật, về lẽ nhất tướng vô tướng, nghĩa là duy có một điều tự tại là hết thảy đều không phải là thực; lại còn những lý thuyết về lẽ bé nhỏ vô cùng và cực như những bụi bay cũng là thế giới, mà to lớn vô cùng và cực như nhật nguyệt, tinh tú cũng là thế giới mà cho hết thảy chỉ là nhất hợp tướng v. v. nhưng vấn đề này đời đời khó cứu cũng không hết được.

Đối mấy hạng hạ-trí độn căn thì Đạo Phật có những lý thuyết về địa-ngục, về cực-lạc tuế-giới, có những lý thuyết về nhân quả để khuyến miễn người ta phải làm điều thiện cho được hưởng phúc lành, về kiếp sau, và lại có những lý thuyết về con cháu mà biểu nghĩa thì phúc báo đến tở tồn được cứu-toàn, những lý thuyết này tự tại là lợi ích cho nhân quần.

Đối mấy toàn thể nhân loại thì có lý thuyết cứu khổ.

Vốn ta tự thừa có loài người đến nay lúc nào người ta cũng thấy khổ, mà không lúc nào là người ta không tìm cách trốn chể mấy mỗi khổ, tức là tìm lấy sự sung sướng thoải thích... song lẽ biết tìm làm sao cho phải đường mà biết thế nào là phải đường?

Xét kỹ ra thì bất ngoại hai đường sau này:

Một là trừ các nỗi khổ ngay ở cõi căn-nguyên nó là trong tâm-giới con người.

Hai là làm hết thảy những công việc khiến cho tâm trí được thỏa thích hoặc cho thân thể được vui sướng.

Đường thứ nhất là của Đạo Phật tức là của Đông-phương.

Phật đã xét người ta sở dĩ khổ sở, vì tình-thế vị cảnh ngộ cũng có ; nhưng phần nhiều là bởi lòng tham là bởi lòng hờn giận oán thù và là bởi lòng mê muội, hiểu sai hiểu nhầm ; vì thế cho nên Phật giầy một mặt phải bố thí, tức là phải thương yêu nhau, đúp đỡ nhau để đối với mấy cảnh-ngộ ở ngoài ; một mặt phải giữ gìn tâm mình, cho bớt tham, bớt sân, bớt si, để tâm được bình tĩnh thư sướng.

Cõi Đông-phương ta, lúc cổ thời nhân dân theo tôn chỉ này mà được sống một cách ôn hòa, bình tĩnh, tâm thân được thỏa mãn, được hưởng những thời-đại cực kỳ thái-bình.

Chúng ta, coi xem bên Trung-hoa vào đời nhà Đường, bên nước Nam ta vào đời nhà Lý, nhà Trần là những hồi mà Đạo Phật rất thịnh thì cũng là những hồi mà dân sự có phong tục rất thuần mỹ, mà quốc hội thì được thái-bình thịnh trị.

Lại như bên Ấn-độ đời vua A dục (Asoka) là ông vua đem quân đi đánh giặc trông thấy thảm trạng kẻ khóc cha, người khóc con, kẻ khóc vợ người khóc chồng, khóc anh khóc em, thấy chặt đứt đồng, máu lấp đỏ xanh, mà hồi cải ngay quy y Phật, đem giáo-lý từ-bi bác ái trị dân được trong nước thái bình đến nỗi ngày nay nhà sử học (Vincent smith) người Anh cất lời kể câu về thời đại ấy phải kết luận rằng : ở vào thời đại này loài người mới được biết cuộc đời cao thượng rực rỡ là như thế nào, mới được thấy văn minh là thế nào.

Suy như thế thì đủ rõ rằng là Đạo Phật đối mấy  
nhau loại đã có công đức vô lượng vô biên.

Nhưng lẽ tất nhiên là đắc hồ thử, thất hồ bỉ (được  
đường nọ thì hỏng đường kia) cho nên người Đông-  
phương đã chỉ lo giữ tâm đức trong sạch được  
bình tĩnh thì không có trí cạnh tranh, không lấy sự  
thắng-đạt làm thỏa thích; đã không có trí cạnh-  
tranh thì đối mấy sự vật ở ngoài thường không  
lưu ý đến; vì không lưu ý đến sự vật ở ngoài nên  
sự tiến hóa về vật chất phải trì trệ, phải thua kém.  
Ấy lý thuyết tự-túc tự-mãn cũng có hại một đôi chút  
là như thế.

Bây giờ xin nói đến đường lối trừ khổ của Tây-  
phương, tức là Âu-châu và Mỹ-châu.

Người Phương-tây họ nghĩ rằng: cái khổ không  
bao giờ hết: trừ cái khổ về mặt này thì lại sinh  
ra cái khổ về mặt khác: con người ta có linh tính  
biết lo nghĩ chẳng lẽ lại bó tay chịu khổ, thế rằng  
cứ nghĩ ra công việc làm cho thỏa trí, và dễ thắng  
đạt Tạo-hóa, vì phần nhiều cái khổ là do ở Tạo hóa  
mà ra.

Đó là lý-thuyết trừ khổ của Tây-Phương.

Người ta nói rằng khi xưa ông Gia-cát-lượng đã  
tìm thấy phép cho thuyền đi trên cạn, làm trâu ngựa  
bằng gỗ mà biết đi, đã dùng phép phun lửa đánh  
Mạnh-Hoạch thì là đã biết làm máy tự-động cơ,  
đã biết dùng thuốc súng; song ông không nghĩ  
người đời vì sợ dĩ họa-lớn cho nhân-loại: đây là  
óc Đông-Phương tiêm nhiễm Đạo Phật, óc từ bi.

Bên Tây-Phương thì họ không nghĩ thế; đại phạm  
những công việc gì đem làm ra mà họ được thỏa  
trí, hoặc vì họ thắng đạt được tạo hóa, hoặc vì  
thắng đạt được lẫn nhau, tức là có lợi một chút

là họ làm, dầu rằng công việc làm ấy sau có gây họa cho họ hay cho thiên-hạ, họ cũng không thôi; như thế là óc Tây-Phương.

Người Tây-Phương đã lấy sự thắng đoạt làm thỏa-mãn, cho nên họ có tinh mạo hiểm, thích cạnh tranh. Đã cạnh tranh bằng vật chất thì tất nhiên họ phải suy tâm, và khảo cứu về vật chất cho đến cùng cực, để tìm cho được những khí cụ tinh nhuệ mà dùng trong trường cạnh tranh, thì mới có thể thắng đoạt được luôn.

Nếu không thắng đoạt được luôn thì họ lại thấy cuộc đời vô vị, tức là lại thấy khổ; vì vậy mà họ gây thành một nền văn minh vật chất, chế ra những co-khí, những kỹ nghệ cực kỳ tinh xảo; nhưng lúc nào họ cũng bị thúc bách, cũng phải hoạt động khẩn cấp, tâm-tư phải lao đao luôn: họ cho sinh hoạt thế là đầy đủ, trái hẳn mấy cách sinh hoạt của Đông phương.

Ngày nay văn minh vật chất ấy đã gây thành một cái tinh-thế chính họ phải lo sợ, tựa như người đi men một cái vực sâu thẳm thẳm, không biết đến đâu là cùng vậy.

Chẳng phải nói, ai cũng biết là lúc này các nước bên Phương Tây, nước nhỏ nước nhỏ đều phải ngày đêm lo sửa soạn về binh-bị, nào mặt biển phải có tàu ngầm tàu diệt ngư lôi, đại chiến hạm, tiểu chiến hạm cả chiến hạm bộ mặt nữa; trên bộ phải có đủ các hạng binh lính khí-giói, các hạng súng đại-bác, súng cối say, nào xe phá lũy, nào pháo đài biết đi, nào hơi ngạt v. v. trên không thì các máy bay ném tạc đạn; họ phải tự tích biết bao nhiêu là khí cụ để tàn sát mỗi lúc từng hàng trăm vạn sinh linh.

Ấy kết cục văn minh vật chất là như thế, mà cái lối lấy sự thắng đoạt làm thỏa thích, làm cách trừ khổ, đã đem đến cho nhân loại những tai-họa sát hại nhau là như thế.

Vậy lúc này nhân-loại đang bị khủng khiếp, ngày ngày lo sợ không biết tấn thãm kịch bản sát nhau kia sẽ xảy ra lúc nào thì chúng ta lại thấy Đạo Phật rất là hợp với nguyện vọng của nhân loại.

Bởi rằng Đạo Phật giúp chúng ta lẽ nhân quả mà phải bác ái phải từ bi, giúp chúng ta phải coi nhất thiết hình sắc là phi thường mà hiết tự tức tự mãn ; bởi rằng Đạo Phật biết tìm sự sung sướng ngay trong tâm-giới chứ không phải ở sự thắng-đoạt trên đường giao-tế; bởi rằng vì Đạo Phật thuyết ra những giáo-lý ấy mà nhân loại về Đông-Phương trải hơn 2000 năm đã được sống một cách an nhàn thư sướng cho nên ngày nay, chúng ta thấy bên Âu-châu bên Mỹ-châu cũng đã có người xuất-gia theo Phật ; mà kinh sách của Phật thì họ sưu tầm kê cứu đem giáo-lý truyền bá cho dân gian. ở một vài kinh thành cũng đã có lập chùa thờ Phật.

Vậy thời nếu Đạo Phật không phải là Vô-thượng chính đẳng chính giác, nghĩa là môn đạo không còn môn nào cao hơn được, không còn môn nào chính đáng hơn được, không còn môn nào giúp những điều xác thực hơn được ; nếu Đạo Phật không có như vậy thì không thể truyền bá vào được ở những nước đã văn minh đến cực điểm như Ấn-châu Mỹ châu kia.

Đạo Phật xưa kia đã làm cho cõi giới Đông nhân loại được sống một cách thỏa mãn an nhàn, nay Đạo Phật lại truyền bá đi dần dần khắp thiên hạ, thì chúng ta cũng có thể mong rằng thế-giới sẽ nhờ Đạo Phật mà giệp hết những thảm họa ghê gớm, lúc này chúng ta thấy ở quanh mình chúng ta... mà chết đói, ở ngay trên đầu trên cổ chúng ta đấy. Thực đáng mong lắm !

Nam-mô A-di-đà Phật

Nguyễn - huy - Xương



# VIỆT-NAM THIÊN-TÔNG THẾ-HỆ

(tiếp theo)

## 2. Viên-học 圓學 Thiên-sư

Viên-học Thiên-sư trụ-tri ở chùa Đại An-quốc, làng Cờ hạnh-hương, Tế-giang 細江. Quê người ở làng Như-nguyệt, nhà họ Hoàng. Ngày tuổi trẻ học nhỏ, lớn lên học Phật. Nhân được nghe về thuyết « chân-không 真空 » trong lòng bâng khuâng linh ngộ. Từ đó ngày càng hiểu sâu về Thiên học và không có ở sai-nhãng về giới luật bao giờ. Xuất mùa đông tháng hạ chỉ một manh áo sòng che thân. Đeo bầu quấy quấy đi đến đâu khai hóa đến đấy. Phàm từ việc đắp đường bắc cầu đều đứng ra xướng xuất để làm phúc. Sau về làng Phù-cầm trùng-lu lại chùa Quốc-thanh 國聲 và đúc một quả chuông lớn. Người có làm một bài kệ duyên-hóa 緣化 về quả chuông ấy rằng :

六 誡 常 昏 終 夜 苦 六 誡 常 昏 終 夜 苦  
Lục 誡 常 昏 終 夜 苦 Lục 誡 常 昏 終 夜 苦  
無 明 被 覆 久 迷 慵 無 明 被 覆 久 迷 慵  
Vô minh bị phủ ửu mê慵 Vô minh bị phủ ửu mê慵  
晝 夜 聞 鐘 開 覺 悟 晝 夜 聞 鐘 開 覺 悟  
Chú gia 夙 中 開 覺 悟 Chú gia 夙 中 開 覺 悟  
頓 超 淨 利 得 神 通 頓 超 淨 利 得 神 通  
Đốn siêu tịnh-lợi đắc thần-thông.

Dịch :

Sáu 誡 常 昏 終 夜 苦 六 誡 常 昏 終 夜 苦

Vô-minh ám-ảnh ngàn-ngờ thêm.

Tĩnh hồn may có chuông 禪 利 得 神 通.

Biến-hóa phi-dằng cõi linh trên.

Ngày 14 tháng 6, năm bình-thiên, niên-hiệu Thiên-chương Bảo-tự thứ 4 (130), Viên-học Thiên-sư thị-lịch, Người thọ 64 tuổi. Các đệ-tử là Ngô-thông-Thiên, Lưu-vương-Nhân, Lã-pháp-Hoa, Châu-diệu-Dụng thu di-thệ. Người say tháp đề thờ.

## 3. Tịnh thiên 淨禪 Thiên-sư

Tịnh-thiên Thiên-sư trụ-tri ở chùa Long-hoa, làng Cờ-dao, Xứ Long-biên. Người vốn quê ở bản hương nhà

họ Phi, húy là Hoàn 完. Trước cùng ban Đồng-học là Tịnh-không 淨空 cùng thờ Ngài Long vân Đạo-lâm. Ngài càng chăm chỉ học-hành hiểu thấu mọi lẽ cốt yếu. Ngài Đạo-lâm biết Tịnh-thiền sẽ thành một pháp-khi, nhân đặt đạo hiệu cho là Tịnh-thiền giải nghĩa cho hai chữ đạo-hiệu ấy rằng :

淨是淨智妙圓      Tịnh thị tịnh-tri diệu-viên

禪是禪心常寂      Thiền thị thiền-lâm thường-tịch.

Nghĩa là, Tịnh là trí-tuệ trong-sạch, màu nhiệm và đầy đủ, Thiền là lòng yên-dĩnh hằng thường, vắng lặng. Đến khi Ngài Đạo-lâm tịch rồi, Tịnh-hiền Thiền-sư bèn đi chơi khắp mọi nơi Thiền-viện để tìm những bạn hay. Sau biết đạo-duyên đã thành-thực, Người bèn về chùa làng, trùng tu cảnh cũ lại, rồi khải cứu về luật-tạng để dạy học. Ngày 12 tháng 8, năm quí-sửu, niên hiệu Thiên-tư Gia-thụy thứ 8 nhà Lý (1183) Người tịch, thọ 73, đệ-tử là Pháp-ký soạn văn bia, có mấy câu rằng,

師生當季日, 出值明時, 六度寧忘, 四弘勿捨,  
香杯淨處, 十方信主波隨, 錫杖振時, 四部學徒  
霧集神通莫測, 玄用難量.

Sư, sinh đương quí nhật, xuất trị minh thời, lục độ ninh vong, tứ hoằng vật xả. Hương bôi phù xứ, thập phương tín chủ ba tùy; tịch trượng chấn thời, tứ bộ học đồ vự tập. Thần-thông mạc trắc, huyền dụng nan lường.

Dịch; Thầy, sinh vào thời mặt-pháp, gặp được buổi minh-thời. Phép lục-độ nào quên, nguyện tứ-hoằng càng rớt. Chén hương-bôi thơm khắp chốn, mười phương tín chủ, như sóng lướt âm âm, gậy tịch-trượng trống lối dân, bốn bộ học-trò như mây tụ ngàn-ngục. Thực là thần-thông màu-nhiệm, diệu-đạo khôn lường.

(còn nữa)

D. N. T.

# LÊ KHÁNH-THÀNH

## CHI-GIẢNG NGỌC-NHA (HUNG-YÊN)

Sáng ngày 4 tháng tư năm Kỷ-mão (21 Mai 1939).  
Phái-bộ trung-ương hội Phật-giáo Hanoi về chứng-minh  
lễ khánh-thành chi-giảng làng Ngọc-nha phủ Khoái-  
châu. Cụ lớn Chánh Hội-trưởng Thiển-bảo Nguyễn-năng-  
Quốc, sự ông Tri-hải, Cụ Cử Dương-bá-Trạc và cụ  
Nguyễn-trọng-Thuật, nhưng ô-tô về đến Ngã-tứ Khoái-  
châu thì phải rẽ sang đường đất, trời mới mưa, xe  
mút bánh, ô-tô không đi được, đường còn xa mà chỉ  
có một cái xe tay cũ nên Cụ Thiểu Nguyễn và sự  
ông Tri-hải phải trở về, chỉ có 2 Cụ Dương-bá-Trạc,  
Nguyễn-trọng-Thuật ngồi chung xe để xuống chi giảng  
được mà thôi.

Chi giảng này thuộc chi hội Phật-giáo Đông-kết và  
thành lập đã hơn 2 năm nay, có các ông Nguyễn-  
đuy-Biên vẫn về Trung-ương khăn-khoản mời ban  
Trung-ương tới chứng-minh, mỗi lần này Trung-ương  
mới tới được.

Chi-giảng này đặt ở chùa Tam-giáo làng Ngọc-nha,  
chùa tuy nhỏ mà có cái giảng-đường lợp gianh sáng-  
khải. Phó Đại-lý chi giảng là ông Trần-xuân-Hạn.  
Về tới nơi, các viên-chức của chi-giảng ra đón rất  
long trọng ông Chánh Đại-lý chi hội Đông-kết là  
Lê-văn-Hiện, Chánh-tổng, cũng về dự lễ. Hội có mời  
Quan Tư-pháp Khoái-châu là Nguyễn-trọng-Đông cũng  
về chứng lễ.

Sau khi chi-giảng đọc chúc từ, 2 hạn đồng-nam, đồng-  
nữ đọc ca chúc, Cụ Dương-bá-Trạc thay mặt Cụ Chánh-  
hội-trưởng nói lời cảm ơn và ngợi khen chi-giảng  
có nhiều đàn anh có đạo-tâm sôi-sảng về việc đạo-  
giáo để giáo-hóa cho dân-tông theo về đường chính-  
giác. Đoạn Cụ diễn-giảng về mục-dịch hội chính  
Phật-giáo và mấy điều tứ-ân, lục-phương, ngũ-giới  
cho giáo-hữu nghe.

Xem ra giáo-hữu lấy làm hoan-hỉ lắm. Diên-giang xong, chi giảng đem trình Phái-bộ Trung-ương 2 việc công-đức của chi-giảng đã làm là :

1. — Việc giặc trẻ đàn đặng-ten ở nhà giảng-đường.
2. — Khuyến hóa xây hai cái cầu gạch cho dân tởng tiện giao-thông.

Về việc đặng-ten, do ông Nguyễn-duy-Tôn người làng đứng dậy. Có đem trình những đặng ten đã đàn rồi, coi khéo lắm, hiệu đã đưa dự đấu sào ở Hưng-yên được tởng-lục.

Về hai cái cầu gạch, trước đây làng tởng đi 2 lối ấy lại đều phải đi bằng thuyền nan mà lối cầu giáo-thông nhiều, nay chi-giảng khuyến-hóa trông hội ngoài làng và đứng xây 2 cái cầu khá to khang trang lắm.

Thụ-trai xong, chi-giảng mời Quan Tư-pháp và Phái-bộ Trung-ương hội Phật-giáo ra đi xông cầu trước cho dân làng được đi lại. Chi-giảng Ngọc-nha đã làm được 2 việc công đức tở-độ thực đáng làm gương cho mọi nơi hội Phật ta.

## BÀI CHÚC TỬ CỦA CHI NGỌC-NHA

Nam mô A-di-Đà Phật

Kính bần Cự lớn Chánh Hội trưởng hội  
Phật-giáo Bắc-kỳ.

Kính bần Quan Tổng-đốc Đại-thần.

Kính bạch các Quan,

Kính bạch chư vị Đại-đức.

Thưa các giáo-hữu :

Hôm nay là ngày lễ thành-lập chi giảng xã Ngọc-nha chúng tôi và lại gần ngày Phật-dẫn, trên nhờ ơn từ

Thiếu, cụ Thượng và liệt-vị quý Quan, cùng chư vị Đại-đức và các Giáo-hữu không tiếc thì giờ vàng ngọc, chẳng nề đường-xá xa xôi về dự lễ chứng kiến cho hội chúng tôi thật là một ngày đáng kỷ niệm và sẽ có ảnh hưởng xấu xa về phương diện giáo-hóa cho Địa-phương, chúng tôi đây

Vậy đứng trước khói-hương nghi-ngút trên Tam-bảo chúng tôi xin cầu nguyện Phật-lồ phù-hộ cho nền Phật-giáo nước nhà, mỗi ngày thêm hưng thịnh, và xin thay mặt toàn-thể chi-hội có lời trân-trọng cảm tạ Cụ lớn cùng liệt-vị giáo-hữu không tiếc thì giờ quý báu về chứng kiến cho ngày kháng thành này được thêm phần long-trọng,

Bầm Cụ lớn, làng Ngọc-nha chúng tôi đây cổ thời là một chốn Huyện-thành mà ngôi chùa này tiền-nhân chúng tôi xây dựng ở giữa làng về đời Lý. Theo Quốc-điền nhà Lý có thi Tam-giáo, bởi thế mới đặt tên chùa này là : « Tam-Giáo tự » Chùa chúng tôi chỉ thờ Phật thôi, có chứng cứ hiển là có Đức Thành Hoàng làng là một vị Tướng-lài Triều Lý sau xuất-gia tu hành ở chùa này, thành một bậc Đại-giác. Đến ngày nay thôn xã vẫn tôn sùng thờ phụng, xem thể đủ biết dân chúng tôi được hưởng-thụ giáo-lý của Phật-lồ đã lâu, chỉ vì nhân tâm bất cố, đạo Phật ngày một suy-vi cho nên dân tình phong tục cùng thời-gian mà biến cải,

May thay ! Máy tạo hóa vẫn xoay, phong trào Phật-giáo chấn-hưng tràn đến cõi Đông, trên nhờ cụ lớn, thấy xa nghĩ rộng và các quan Trung ương cùng quan tâm đến thế-đạo, ra công tổ-chức việc chấn-hưng này, cho nhân dân được giác ngộ lớn chỉ Đạo Phật để duy trì lấy nền đạo đức và Luân-lý nước nhà, công đức đáng nên ghi tạ :

Trước cảnh huy-hoàng rực rỡ đông vui như thế này, chúng tôi kính chúc Cụ lớn « Thọ khảo Vô cương » đề

làm trọn vẹn cái công đức lớn-lao lập thành cho Hội Phật-giáo và xin mong rằng liệt-vị, Qui Quàn, chư vị Đại-đức mở lòng từ-bi hi xả chỉ giáo cho chúng tôi những điều chưa biết để mong theo nối gót các Ngài, lo việc chấn-hưng, Phật-giáo mong sao cho chúng đạt tới mục-dịch của Hội. Thì công-dec thật là vô lượng vô biên. Sau đây khắp giáo-hữu cùng thiện-nam, tín-nữ trong chi hội chúng tôi ai cũng biết hồi-lâm hướng-đạo bỏ lòng tranh nhán tranh ngã, biết yêu thương quý mến nhau một cách chân thành mật thiết, đem những giáo-pháp mà khuyên bảo nhau để được cùng nhau bước lên con đường Cực-lạc thì thực là phúc đặng há-sa.

Nam mô Bản-sư Thích-Ca Mâu-ni Phật.

Kính chúc Phật-giáo Hội vô lượng thọ.

Soạn-glả : Nguyễn-văn-Vận

Giáo học trường Hương-quất

### BÀI CA CHÚC CỦA ĐỒNG NAM

Hoàng Bảo-dại kỷ niên thập lứ,

Chi Ngọc-nha hội Phật khánh-thành.

Trung-ương hạ cổ chứng minh,

Cao-lãng sư-trưởng đều cùng tới nơi.

Nay chúng con rốc lòng thành kính,

Tâm nguyện cầu làm lễ thỉnh nghinh.

Vừa ngày đức Phật giáng-sinh,

Chúc mừng Cụ lớn thọ ninh khang cường.

Nay mừng bản-hội thọ xương,

Nhân khang vật thịnh thái-bình âu-ca.

Vui vầy già trẻ một nhà,  
 Lão đồng an-lạc nước nhà, hiền vinh.  
 Chúng con đồng ấu hậu sinh,  
 Xin bày câu chúc kính trình một trương.  
 Một chúc hội Trung-ương liệt-hiến,  
 Đạo từ-bi tinh tiến thịnh hành.  
 Mong cho quả phúc viên thành,  
 Mừng quan chủ hội hiền vinh thọ trường.  
 Dựng ra hội Phật rõ-ràng,  
 Cây nhân gốc đạo ngày càng thêm tươi.  
 Hai xin chúc tăng-già pháp-hội,  
 Quyền chủ-chương khắp cả thùyên môn  
 Một ngôi giáo-hóa rất tôn,  
 Dẫn đường giác-ngộ tiếng đồn đồng tày.  
 Ba chúc hội sĩ nông công cồ.  
 Nhờ ơn trên tế-độ mọi bề.  
 Bè từ vượt khỏi bến mê.  
 Cùng lên cõi giác mọi bề tinh thóng.

Nam-mô A-di-Đà Phật

Soạn-giả : Nguyễn-văn Vận

### BÀI CA CHÚC CỦA ĐỒNG-NỮ

Vừa năm Bảo-đại mười tư,  
 Ngộ-nha chi-giảng niên dư lập thành.  
 Lập đàn phả-tế chúng sinh,  
 Ở chùa Tam-giáo tuyền kinh lạc hoàn.

Gặp ngày dẫn Phật kỳ-an,  
 Mời quan giám lễ chứng đàn cho dân.  
 Mở lòng bác ái thân-nhân,  
 Thiều-hồi diễn-thuyết phu trần phân-minh.  
 Ngọc-San cao, kim-thủy thanh,  
 Lòng xin giải trắng đàn-thành tốt thay.  
 Đền giờ Đuốc-luệ mới hay.  
 A-di-dà Phật, Phật đầy chứng minh.  
 Dăng ten con lại dâng trình,  
 Tháng ngày kim chỉ kẻ kinh học hành.  
 Duy-tri đạo Phật doanh-sinh.  
 Nhờ ơn Cụ lớn tác-thành chấn-hưng.  
 Gần xa nô-nức tưng bừng,  
 Chuông khua mõ giống vang lừng gần xa.

Nam-mô A-Di-Đà Phật

Soạn-giả : Nguyễn-văn-Vân

Giáo-học trường Hương-Quất

## VĂN UYÊN

### BỘ VẠN TỔ-LIÊN THIÊN SƯ

Thiên đạo nghìn xưa mãi học hành,  
 Kiếp này cầu phật tái lai sanh.  
 Quyết đem pháp bảo ra hoằng hóa,  
 Độ khắp trời-Nam dạ mới thanh.



Mời thanh lục đạo bước chân đi,  
 Phật-giáo tuyên dương há dám nề.  
 Tế-dộ quần sinh qua giác ngộ,  
 Công thành Cực-lạc sẽ về quê.

Về quê Tịnh-dộ ấy là nơi,  
 Hoàng hóa hy sinh cả kiếp đời.  
 Thi-pháp Minh-tâm cùng cõi việt,  
 Nghìn thu Đuốc-Luệ sang trên đời.

Hanoi - Sinh-từ-Phổ

Chỉ-quá-Thị - Nghĩa-kỷ

Lời tuyên cáo của Hội  
 Annam Phật-học  
 TRONG NGÀY THÍCH-CA PHẬT ĐẢN

Hỡi anh em chị em Phật-lữ,

Hôm nay là ngày gì?

Cái ngày mà cách năm bảy năm về trước, từ các chùa ra, ngoài thế-gian không còn mấy ai chú ý.

Cái ngày mà hiện nay, trước con mắt mười mấy triệu đồng-bào, đã thành một ngày quang vinh rực rỡ

Cái ngày mà trên hai ngàn năm trăm năm về trước, đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni, vì lòng ai mẫu chúng sanh, đã gián sanh trên cõi Ta-Bà, đứng dạy cho loài người một nền giáo-lý vô-thượng có thể dẫn người ra khỏi các vòng phiền-não.

Cái ngày mà tâm-hồn toàn-thề tin-dễ chánh-đạo đều

bồng bột trong một niệm đồng, đều kính cần dưới bóng đức Thế-Tôn, đều nhận thấy ở giữa nhưn-loại, không có gì đáng sai biệt, vì chúng sanh toàn là anh em, toàn là đệ-tử thiêng-liêng của đức Phật Thích-Ca.

Cái quang-niệm ấy, mà người người đều tiêu-biểu trong ngày hoan này, đã làm cho ta quán rõ các nguyên-nhơn chia rẽ, ghét ghen phản nghịch, tương hại, đều do lòng ngã-ái quá ích-kỷ nhỏ nhen của ta mà có.

Nay ta đã nhận rõ rằng chúng sanh đồng một thể, một loại, ta hãy nguyện trước đức Như-lai, gắng thôi tất các ngộ lửa tham sân, xóa đổ những bức thành bĩ thử phát một cái tâm đại-bi rộng lớn mà thương xót muốn loài, xem người như mình, xem mình như người, chung quanh ta không còn ai là một kẻ thù địch, trái lại sẽ thấy toàn là anh em thân bằng di-hữu.

Ta hãy nhiếp tâm thành thực cầu xin các người đã bấy lâu vì ta mà khổ, hãy tha thứ cho ta, khoan dung cho ta, và nguyện từ này sẽ thương yêu các người ấy muốn phần, để đền bù tội ghét ghen lúc trước.

Ta hãy nhắm mắt, đốt nến tâm hương, mà quán tự tâm, thử xét trong bốn đức tánh từ bi hỷ xả, ta đã có hạnh nào chưa? Ôi tâm ta bấy lâu khác nào sắt đá, đâu có còn cảm-động trước sự đau khổ muốn loài, đã điềm nhiên làm thình trước lời kêu gào của kẻ hoạn nạn, mà lại còn sung sướng trong khi gieo cho người bao nhiêu sự đớn đau.

Ta hãy thừa dịp may mắn này, trong khi đương tâm gọi trong bầu không-khí từ-bi bác-ái của đức Chí-lớn, mà quán rõ tâm tánh, đặng mà đầu tâm sám-hối ăn năn những sự sai lầm hiểm-khuyết, và đem năng-lực của tâm ta mà thương yêu, phụng sự muốn giống muốn loài. Ta thử xét, tâm ta không phải khó khan, hẹp hòi, nghèo khó. Tâm ta rất giàu, giàu vô-lượng vô biên nếu ta biết diệu dụng nó, nếu ta mở rộng nó ra, mà đừng khóa lại, ta có thể lung nó ra khắp hư không pháp-giới, không nơi nào là không thọ ảnh-hưởng, Nhà

hiền triết Âu-láy có nói : « Không có chi nhỏ bằng người mà cũng không có chi lớn bằng người ».

Xem tâm vô-lượng vô-biên của đức Như-lai, chúng ta sẽ nguyện : tâm chúng ta cũng vô cùng vô tận. Hằng ngày nếu chúng ta hãy đem tâm ấy mà đối đãi cùng nhau, thì mới có thể hiểu thấu nhau, có hiểu thấu nhau mới thương yêu nhau, có thương yêu nhau mới tha thứ những sự lỗi lầm cho nhau, mới dắt dìu nhau mà đồng đi trên con đường hạnh-phúc.

Chúng tôi thiết tha cầu nguyện đức Như-lai giáng thế, hãy gia hộ cho muôn ngàn đệ-tử chơn-thành, mở rộng tâm ra, mà tu các hạnh từ bi hỉ xả của đức Bồn-sư trong muôn một.

Hỡi anh em chị em Phật-tử !

Trong khi nhơn loại đang bàng khuáng lo ngại cho sự an lạc giữa thế-gian, biết đâu vì lòng mê muội của người đời mà bị phá hoại, chúng tôi rất trông mong những lời tuyên cáo trên đây, sẽ gieo khắp trong sự những nhơn tương thân tương-ái, để làm bức thành ngăn ngừa, cho những tấn tuồng phiến-nảo, có thể do lòng tham muốn sân si loài người mà diễn xuất sau này :

Nam-mô Bồn-sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật,  
Annam Phật-Học-Hội kính cáo.

## LỄ PHẬT ĐẢN

Lễ Khánh Đản Phật Tỏ năm nay ở Hưng-yên cử hành một cách trọng thể hơn mọi năm.

Cửa chùa chũng-đền, kết lá cheo cờ, trên gác quan-âm một ngọn đèn vàng lúc sáng lúc tối, lấp lóe như Phật-bà lúc ẩn lúc hiện. Ông chánh Đại Biểu Nguyễn-Đình-Thịnh và các Ông Trịnh-Như-Tấn, Vũ-Huy-Xương đã có sáng kiến làm một bộ Cửu-Long kết bằng hơn và lá, giữa có tượng Đức Phật Tỏ giáng sư một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất, hình dung lúc ngài nói « Thiên

thượng địa hạ, duy ngã độc tôn » Ngày Đản Đức Phật. Tờ diễu về mấy chữ « Duy ngã độc tôn » mà lại kết tượng như vậy thực có một cái ý nghĩa sâu xa.

8 giờ, quan Tổng-Đốc Lê-Đình-Trần đến chủ tọa. Ông Trịnh-Như-Tấu thay mặt ban Quản-Trị, nói qua sự tích đức Phật-Tổ rồi giới thiệu diễu-glả cùng bài diễu-văn với cử-tọa. Kế đến ông Phan-Quang-Định nói truyện trước máy truyền-thanh về bốn chữ « Duy Ngã Độc Tôn » được cử-tọa cực lực hoan nghênh.

## THỰC - HÀNH CỨU - KHỔ

Đạo Phật là đạo cứu-khổ, nghĩa là đạo dạy cho chúng sinh biết cứu vượt lẫn nhau chớ thoát mọi điều khổ sở về thể-xác cũng như về tinh-thần.

Cái công-đức siêu-thăng và phúc báo là trông vào chỗ cứu-khổ cho nhau được nhiều hay ít, chứ không phải chỉ khu-khu lễ bái, tụng-niệm và mấy cái hạn nhỏ-mọn mà được đâu.

Công-việc cứu khổ vô-cùng, nhưng không ngoài hai đại-yếu là cứu cái khổ về tinh thần và cái khổ về thể-xác. Một người hay một đoàn-thể cứ tùy những điều khổ-sở xảy ra ở bên mình mà tùy sức thực-hành cứu vượt cho nhau đều là phúc cả.

Không những cứu cho nhau thoát cái khổ ngu-dối, cái khổ đói, cái khổ rét, cái khổ ốm-đau, cái khổ bình-ngục oan-khốc và cái khổ bị kẻ cường-hung lấn-áp, mới là cứu-khổ, mà làm cho người ta được thoát khỏi những ác-tục, nó trôi buộc làm cùng-quần hay làm si-nhục, cũng là cứu-khổ. Ở thôn-quê nước ta cái ác-tục « nợ miêng » nó làm cho người trong làng phải cùng-túng, bị si-nhục, há không phải là cái khổ rất tàn-ác lắm du. Ai mà cứu cho nhau thoát được một cái khổ nào trong muôn-nghìn cái khổ « nợ miêng » ở hương-thôn, đều là phúc lớn.

Trong Đuốc-Tuệ, về mục « Câu chuyện đạo Phật với việc làng » là ân cần cầu những nhà có tâm tìm phương giải-thoát cho nhau về cái khổ « nợ miệng » trôi buộc ấy. Thì một cái ảnh-hưởng đã thực-hiện ra ở một chi hội về Sơn-tây, đáng nên kỷ-niệm.

Số là ở chi hội Phật-giáo Cung-thuận huyện Tùng-thiện Sơn-tây vừa mới thực-hành được việc thiện-cứ tức là việc cứu-khổ như trên ấy. Hội-quán chi hội đặt ở chùa làng Cung-thuận, nhiều làng trong huyện-hát có hội-viên đều theo về chi-hội Cung-thuận. Trước đây, ở xã Tường-phiêu bên cạnh làng Cung-thuận có một ông già gần 70 tuổi tạ thế. Con cái cụ già đều nghèo cùng mà lệ ma của làng ấy thì quá nặng. Lệ phải lo đủ nợ miệng tổn ước 200\$00 mới đủ thì mới được làng đưa cất đi đường chính lộ của làng cách đường-boàng và đủ tang-nghi mọi sự. Trái lại, không lo đủ « nợ miệng » thì con gái nhà hiếu không được trống gậy, phải sé bờ rào mà khênh áo quan đi đường tắt, tỏ ra là đem đi trốn vụng. Lại dù ban ngày cũng phải đề bó dóm lên trên áo quan tỏ ra là đem đi trốn đêm phải đốt đuốc. Ở trong một làng xử với nhau nhất là với người chết, chỉ vì miếng ăn mà đặt ra cái tục bó-buộc làm sĩ nhục cho kẻ nghèo cùng như thế, ác-nghiệt vô-nhân-đạo, già-man đời bại là dường nào.

Ông cụ già này có chân hội-viên thiện-tín của hội Phật-giáo Cung-thuận. Biết tin một hội-viên già và nghèo của hội Phật qua đời và biết cái đi-hải của cụ già sẽ bị tục làng hành-hạ phải đem vùi rập trốn nợ-miệng của làng vì nhà nghèo khổ, các giáo-hữu vùng ấy đều sơn sao thương-hại cho cụ già sấu số, sống khổ chết khổ.

Trước kia ở hạt ấy chưa có hội Phật, trong làng Tường-phiêu đã không biết bao nhà taog-gia bị sĩ nhục về nghèo không giá đủ lệ làng như ông cụ già này, nhưng người ta cũng coi là một sự tội-

lỗi của kẻ sấu-sổ phải chịu, hoặc có biết thế là khổ nhưng cũng không có cách gì cứu được. Nay nghĩa tử-bi cứu-khổ đã khích-thích sâu vào trong tâm giáo-hữu hội Phật Cung-thuận, an Tri-sự chi hội ấy liền bàn cùng đồng-hội quyết can-thiệp với cái ác tục làng Tường-phiêu mà cứu cái khổ chết không hết nợ cho ông giáo-hữu già bần-khổ kia. Có ông Chánh Đại lý là Cựu Chánh-tổng ở làng Cung-thuận được công-chúng tin theo, ông cùng ban tri-sự và các đàn anh trong hàng hội làng, ban hộ-niệm và nhiều hội viên nam-nữ, đưa cờ phướn, đại-dư, Phật-dinh, âm-nhạc, dư-pau, trống-sự đủ cả, thẳng sang làng Tường-phiêu cất đám ông cụ già nợ. Đám đưa rất là linh-dinh đường-hoàng. Tôi huyet các sư làm lễ qui tây cho vong, đoạn rước linh-vị về thờ ở chùa Cung-thuận. Nhà tang-chủ chỉ phải biện có giầu nước qua loa mà thôi. Trong hạt đều khoe ngợi hội Phật-giáo Cung-Thuận. Chính làng Tường-phiêu cũng có nhiều người đi xem đưa đám mà bảo nhau rằng: « Ông già nghèo mà tốt số, nếu ở làng đưa tốn vài ba trăm bạc cũng không được linh-dinh như thế. Mà còn lắm điều bẻ-bai chê-trách nữa kia ».

Đó thực là một việc cứu-khổ, một việc vô-úy-thí mà chỉ hội Phật-giáo đã thực-hành đối với người trong hội.

Coi đó biết hội Phật-giáo thực là một cái cơ-quan có thể lực để cái tạo xã-hội Việt-nam, để cứu khổ cho dân-chúng về các phương-diện. Mong các chi hội Phật-giáo ở các địa-phương nên noi cái gương thiện-cứ này của chi hội Cung-thuận. Phúc đức là ở đâu nào !

Quảng-tràng-Thiệt cư-sĩ

## TÂY - VỰC KỶ

Lúc rước kinh sang, thì bát-nhã phóng hào-quang, trên trời mưa hoa xuống, lại nghe thấy trong không có tiếng đàn nhạc êm đềm. mùi hương ngào ngạt, đềm lảnh biện rõ, càng thêm vui vẻ. Pháp-sư lại hỏi các đệ-tử rằng : Trong kinh có chép rằng ở phương này sẽ có các quốc-vương đại-thần và tứ-chúng bảm mộ nghĩa đại thừa mà sao chép thụ-tri, lưu-truyền đọc tụng, và đều được sinh thiên cứu-kính giải-thoát hết. Nay đã có vào dịch rồi không thể im được. Hến ngày hai mươi, sai đệ tử là ông Quy-cơ thảo biểu tâu vua xin vua làm cho một bài tựa. Đến ngày mồng bảy tháng chạp, thì có sắc ban ra, chuẩn y lời tấu.

Pháp sư từ khi dịch song kinh Bát nhã rồi, tự thấy sức lực suy-khiết, biết rằng vô-thường sắp tới, mới báo các đệ-tử rằng : « Ta lại chùa Ngọc-hoa này, là vì nhân duyên bát nhã, nay việc kinh đã xong, thì sự sinh nba của ta cũng hết, vậy khi ta vô thường thì các việc tổng chung, nên làm cho giản dị, chỉ nên dùng một cái chiếu-trúc bọc lại rồi đem vào chỗ khe núi mà chôn, đừng để ở gần chùa, vì cái thân như bần này phải nên quăng vứt xa đi »

Môn đồ nghe nói đều thương cảm nghẹn ngào gạt nước mắt mà bạch rằng : « Hòa thượng khi lực còn khá. lớn-nhan không khác ngày thường, vì sao lại hốt nhiên nói thế ?

Pháp-sư nói : « Tự ta ta biết, người hiền thế nào được. Ngày mồng một tháng riêng năm Tân-đức thứ nhất, các vị đại-đức giữ việc dịch kinh và các sư trong chùa Ngọc hoa ; ân cần trình bạch, xin Pháp-sư dịch nốt bộ Bảo tích. Pháp-sư thấy ý chúng ân-cần, mới lấy bản chữ Phạm xem qua vài tờ rồi gấp lại mà bảo chúng rằng ; « Số quyền kinh này, hồ ngang với bát-nhã, Huyền-chang tự xét khi-lực không thể làm song công quả này được, cái thời kì chết, không còn xa mấy nữa rồi ! Nay tôi muốn đi đến các bang Lan-chi để lễ tượng Câu-chi Phật.

Nói đoạn cùng các sư cùng đi ra, chư tăng nhìn nhau, ai cũng ứa nước mắt ra : Lễ xong trở về chùa, chuyên tinh hành đạo thôi hẳn việc phiên dịch.

Đến ngày mồng tám, có một đệ tử người Cao-sương tên là Huyền-giác, nằm mơ thấy một cái tháp cao lớn doan-nghiêm, bỗng nhiên đổ xuống, rất minh-tĩnh dạy, đến nói với Pháp-sư. Pháp-sư nói : Việc đó không ứng vào người, mà là cái điềm ta chết đó. Tối hôm mồng chín, nhân bước qua cái rãnh ở sau nhà, ngã sầy da chân, từ đó dần yếu dần, đến ngày 16, như chiêm bao thực dạy nói rằng, trước mắt ta có một cái hoa sen trắng to bằng cái mâm, tươi đẹp đáng yêu lắm.

Ngày 17 lại mộng thấy hàng trăm ngàn người hình vóc khôi ngô, mình mặc áo gấm, mang các đồ gấm vóc và các thứ hoa quý đến chầu-nghiêm trong phòng Pháp-sư, rồi chầu-nghiêm cả viện kinh, cho đến các cây cối núi rừng sau chùa, cũng đều cắm đầy những chầu phan bảo cái, sen lẫn với tiếng âm nhạc nữa. Lại thấy ngoài cửa có vô số xe kiệu bằng sắt bảo, trong xe kiệu có đủ các thức ăn thơm tho mỹ-vị, các thứ quả tươi tốt ngọt ngào, đều là những thứ trần-gian không có cả. Các người mang những đồ ăn và quả ấy lại cúng-dâng Pháp-sư. Pháp-sư từ rằng : « Những thức quý báu như thế này, chỉ những bậc chứng được thần thông, mới có thể hưởng được, Huyền-trang chưa tới ngôi ấy, sao dám ăn được.

Pháp-sư tuy cố từ như thế mà những người ấy vẫn cứ tiến mãi thức ăn vào, đến lúc người hầu dâng bằng, mới mở mắt ra, mà nói chuyện cho cụ chủ trì chùa ấy biết. Đoạn pháp-sư lại nói : « Một đời Huyền-trang tu hành, bao nhiêu phúc-tuệ, đều hồi hướng về đạo Phật, cứ như tượng mạo thấy đó, sẽ biết không đến nỗi uổng công, và càng tin cái lẽ nhân quả của Phật giáo là không sai vậy. Nói rồi liền sai Gia-thượng pháp-sư đem kiểm xét lại các kinh luận đã dịch, tất cả có 74 bộ cộng 1338



quyền vẽ phần tranh vẽ thì tranh đức Câu-chi được một ngàn chiếc, đức Di-lặc một ngàn chiếc, lại tô được một pho tượng Thập-câu chi, các kinh sao ra như Kinh Năng đoạn bát-ubã, kinh Dược-sư, Lục-môn đà-la-ny mỗi thứ được mười một bộ, cúng dâng vẽ hai bên kinh-diễn (cúng bậc trên) và bi-diễn (tức thì các kẻ dưới) đều được hơn vạn người. Đốt được hơn trăm ngàn ngọn đèn, chuộc mạng được hơn ba vạn sinh linh.

Ngài Gia-thượng kiểm xong, tuyên đọc cho Pháp-sư nghe. Pháp-sư nghe đoạn liền chấp tay hoan hỉ.

Đoạn lại bảo các môn-dồ rằng : « Cái kỳ vô thường của ta đã đến. ý ta muốn làm phép xá-đọa (phép của Tăng hệ đồ dùng thừa phần thì phải cho người, nếu dùng thừa phải tội đọa). ông nên bảo cho những người có duyên hợp cả lại đây. Rồi khi đại chúng hợp đủ. Pháp-sư liền sai mang hết quần áo cho chí các đồ dùng ra mà quần phân hết, và tạc thêm tượng, thỉnh chư tăng lễ bánh đạo, đến ngày 23, sai làm cơm chay cúng thí. Hôm ấy lại sai tô tượng ngài Pháp-trí, để thờ ở điện gia-thọ, dựng một pho tượng cốt bồ-đề, rồi xin hoan hỉ từ biệt với các đại-đức và chư tăng rằng : « Cái thân độc ác của Huyền-trang tôi đây, thực đáng chán ghét, nay việc làm đã xong, không nên ở lâu làm gì nữa. nguyện đem phúc-tuệ đã tu được, hồi hướng bố-thí cho các giống hữu tình, nguyện cùng các giống hữu tình cùng sinh lên cung trời Đâu-sử đa (đâu xuất) được giữ vào trong hàng quyền thuộc của đức Di-lặc mà phụng-sự đức từ-tôn, khi Phật đáng-sinh xuống đời, cũng nguyện theo xuống, làm nhiều việc Phật, cho đến chừng được vô-thượng bồ-đề » Từ biệt song rồi, liền ngồi lặng yên, chuyên mối chính niệm, và tụng đoạn kinh « Tìm sắc vẫn không thể được, thụ tướng hành thức cũng không thể được, nhãn-giới không thể được, cho chí ý-giới cũng không thể được, nhãn thức giới không thể được, cho chí ý-thức-giới cũng không thể được ; Vô minh không thể được, cho chí lão-tử cũng

không thể được, cho chí bồ-đề không thể được, không thể được, cũng không thể được » Rồi lại đọc một bài kệ nguyện rằng : « Nam mô Di-lặc như-lai, ứng-chính đẳng-giác, nguyện cho giống hữu tình, mau được thấy từ nhan. Nam mô đại chúng trong cung đức Di-lặc như-lai, nguyện xá thân này, tất được lên ở trong ấy » Bây giờ cụ chủ chùa ấy là cụ Tuệ-đức, lại nằm mộng thấy nghìn pho tượng vàng từ phương đông lại, vào trong viện kinh, hương hoa đầy cả trong không. Nửa đêm ngày 4 tháng 2, vị tăng hầu bệnh là Minh-Tạng thuyết-sư, thấy có hai người đều giỏi hơn một tượng, cùng mang một cái hoa sen trắng, to bằng cái bánh xe, hoa có ba tầng, cánh giải hơn một thước, sạch bóng đáng ưa, đến trước mặt pháp-sư mà bạch rằng : « Ngài từ vô thủy trở lại có làm nên sự gì tồn nã đến các giống hữu-tình, có những nghiệp ác gì, nay nhân một chút bệnh đó, đều tiêu sạch hết nghiệp rồi, xin Ngài nên mừng rõ đi.

Pháp-sư nhìn người cầm hoa, chấp tay một lát, rồi lấy tay phải trống đầu, tay trái ruỗi lên trên đùi, nằm nghiêng sườn bên phải xuống, cho đến lúc tịch, không hề giở mình, không ớn lạnh không nóng một tí gì. Nửa đêm hôm mồng năm, đệ tử là bọn ông Quang đến hỏi rằng :

« Hòa thượng có quyết được sinh vào cung trong đức Di-lặc không ? Pháp-sư nói : « Được » Nói đoạn hơi thở nhỏ dần, một loáng thì đi, người hầu cũng không biết, mãi đến lúc dậy tờ giấy lên mặt mới biết. Sờ vào người thấy lạnh từ chân lạnh lên, đến lúc cuối cùng mà đỉnh đầu vẫn còn nóng, nhan sắc tươi đẹp, lại hơn lúc thường, cho đến quá 49 ngày, cũng vẫn không biến sắc một chút nào, cũng không có mùi gì lạ cả. Nếu không phải là bậc đã tu chứng tới chỗ định-tuệ chang nghiêm, giới hương bủa khắp, thì sao có thể được.

作什麼生脫也。若未脫須來聽取。

無位真人赤肉團。

紅紅白白莫相瞞。

誰知雲卷長空淨。

翠露天邊一樣山。

十三 夫世之至貴者惟金玉耳。然察其所重。審其所輕。

惜反不及命者也。假如有富家拜爲大將。用黃金爲

甲以備其身。至臨戰之日。兵刃旣接之時。或棄甲曳

兵而走。冀得全於一身而已。而黃金之甲。豈暇顧哉。

乃知黃金之重。不足以比身命者。此之謂也。今者不

然。反貴其物而賤其身。不知其身有難逢者三。何者

## KHÓA HƯ GIẢNG YẾU

### H Á N

Tác lưu nùng lưu huyết, ô uế tắc huân địa huân thiên. Bào hắc bất kham quan, ú thanh chân khả ố. Bất luận bản phú, đồng nhập tử vong. Hoặc tàng ư thất, tác trùng xuất tử sinh. Hoặc khí ư lộ, tắc nha sơn khuyển thực. Thế nhân giai yếm tị nhi qua, Hiếu-tử phản lữ-lí gĩ tạng. Thập cốt thu hải, yếm lạc mai tí Quan liêm phó nhất<sup>7</sup> tinh giã hỏa, thổ đới táng vạn lý hoang sơn. Tích thời lục mấn chu nhan, kim nhật thanh khối bạch cốt: Lệ vũ sai thời vân thắm thắm, bi phong động xử nguyệt vi vi. Giạ lan tác quĩ khốc thân xâu, tuế cửu tác ngư tân mã tiền. Huỳnh hỏa chiếu khai thanh thảo lý, cung thanh ngâm đoạn bạch dương sao. Bi minh bản một tỏa thanh đài, tiêu mục đập xuyên thành khe kính. Nhậm thị văn chương cái thế, túc nhiều tài mạo khuyển thành. Đáo đầu khởi hữu dị đồ, chiết đề đã thành nhất chước. Nhân bi sắc khiên.

### VIẾT

Thối nát chảy máu chảy mủ, tanh hôi lừng đất lừng trời, đen rộp mắt chẳng dám nhìn, xanh xù tâm thực đáng sợ, chẳng cứ nghèo giàu, cũng đều chết mất, đề trong nhà thì rười râu bọ rúc, đề ngoài đường thì quạ rĩa chó tha. Người đời đều bị mũi mà qua, còn liêu phải lấy nong mà dạy. Thịt xương bừa bãi, thu nhặt vứt chôn. Sàng bó mặc một tia lửa nội, nắm mồ chôn muốn dậm non hoang. Xưa kia tóc mượt má hồng, ngày nay tro tàn xương trắng. Khi mưa lệ tưới mây mờ mịt, lúc gió sầu lay nguyệt rặng suông. Khi canh tàn thì quĩ khốc thân sâu, lúc lâu năm thì ngựa quàn trâu phá. Lửa dóm lập lờ trong cổ rậm, liếng sầu rền rĩ ngọn dương tơ: Bia kỷ niệm nửa mờ rêu phủ, kẻ mục tiêu giẫy đạp đường ngang. Xưa kia đầu văn chương hơn chúng, hay tái sắc nghiêng thành. Đến kỳ nào có khác đường, nói đúng là cùng một nước. Mắt bị sắc lòi về rình kiếm.

## HÁN

Qui kiểm thụ, nhĩ tùy thanh dẫn thượng dao sơn. Tị đầu khứ chước xú yên tinh, thiết lý khiết lai thiết hoàn nhiệt. Thần kiếp dương đồng cầu quán khái, ý toạ hỏa hoạch môi giao tiên. Nhân gian lịch tận bách xuân thu, địa ngục phương vị nhất chú dạ. Nhược thị tác gia cụ nhân, chực tu tào cấp hồi quan. Phiên thân khiêu xuất sinh tử khóa, dân chi liệt khai ân ái võng. Tùng nễ nam, tùng nễ nữ, tông thị kham tu; thậm cử trí, nhậm cử ngu, tận giai hữu phận. Nhược vi đạt Phật tâm tở ý, thả tiêa bảng tri giới niệm kinh. Cập Phật diệp phi tở diệp phi, tác giới hà tri kinh hà niệm, cư ảo sắc diệp danh chân sắc, sử phạm thân giã thị pháp thân. Phá lục tặc vi lục thần thông, du bát khổ tác bát tự tại. Tuy ngôn nhĩm ma, nhĩ nhân nhân ký nhập giá sắc thân lý, khứ giã thị nan nan, chư nhân đặng; chỉ giá sắc thân, hựu...

## VIỆT

Tại theo tiếng dẫn đến non đao: mũi thường người hi khói hôi tanh. Lưỡi phải nếm ăn viên sắt nóng. Giới nước đồng sôi thân co quắp, bỏ vào vạc nấu ý chua cay. Trăm năm trong cối người ta, một ngay cối ngục kè đã giải ghê. Nếu ai đủ mắt tinh đời, phải kịp hồi tâm xem lại. Cắt mình vượt qua bề sinh tử, giang tay xé toạc lưới ái ân. Chả nề trai gái, ai cũng nên tu, chẳng cử trí-ngu, đều có phận cả. Nếu chưa thấu tâm Phật ý tở, trước hãy chơn tri giới niệm kinh, kịp đến lúc Phật cũng không Tô cũng không, thì còn có giới nào tri kinh nào niệm. Trong ảo-sắc cũng là chân-sắc. Chỉnh phạm thân hóa thực pháp-thân. Phá sáu-giặc thành sáu thần-thông, biến tám khổ ra tám tự-tại. Tuy nói thế vậy, nhưng người ta đã chịu làm cái sắc-thân này, thoát ra được cũng là khó lắm. Các người ơi! chỉ cái sắc thân ấy.

## H Á N

Tác thập ma sinh thoát già, nhược vị thoát tu lai thỉnh thủ  
 « Vô vị chân nhân tịch nhược đoàn, Hồng hồng bạch bạch mạc  
 tương mãn. Thủy triván quyền trắng không tịnh, Thủy lộ  
 thiên biên nhất' dạng san ».

Phù thế chi chi quý giá, duy kim ngọc, nhĩ. Nhiên  
 sát kì sở trọng, thâm kì sở khinh, tích phần bất cập mệnh giá  
 già. Giá như hữu phú-gia bãi vị đại-tướng, dụng hoàng kim  
 vị giáp, gī bị kỳ thân. Chí làm chiến chi nhật, binh nhạn kì  
 tiếp chi thời, hoặc khí giáp dụng binh 'nhĩ tầu, kì đặc toàn tr  
 nhất thân nhĩ gī, nhĩ hoàng kim chi giáp, khởi hạ cố tại!  
 Nãi chi hoàng kim chi trọng, bất túc gī tí thân mệnh giá,  
 thử chi vị giá. Kim giá bất nhiên, phần quý kì vật nhĩ tiện  
 kì thân, bất trí kì thân hữu nan phùng giá tam. Hà giá...

## VIỆT

lại phải làm sao mà thoát ra được. Nếu chưa thoát  
 được, cần lại nghe đây :

*Vô vị chân nhân tịch đồ lôm.*

*Rõ ràng trắng đồ hết đường man.*

*Ai hay mây cuốn trời quang sạch,*

*Xanh biết bên trời sắc núi lam.*

Ồi ! đời chỉ biết vàng là quý, nhưng xét kĩ đến chỗ  
 khinh trọng thực không bằng mệnh người được. Ví dụ  
 như một nhà giàu kia, lên làm quan đại-tướng, dùng  
 vàng giắt vào áo giáp để hộ thân, đến khi chiến trận,  
 đang lúc đao binh giao-tiếp, có khi phải cởi giáp vứt  
 gươm mà chạy, chỉ mong cho toàn một thân thể, còn  
 cái áo giáp vàng kia rồi đầu nhìn đến, thế mới biết  
 vàng tuy là trọng, cũng không thể ví với mệnh người  
 được, là nghĩa thế đó. Nay không hiểu thế, lại quý vật mà  
 rẻ thân, chẳng biết thân mình có ba điều khó gặp được.  
 Những gì là ba ?

QUI TÍNH PHƯƠNG DANH CÁC VI  
 CÔNG ĐỨC ĐÃ CÙNG VÀO VIỆC LÀM CHÙA  
 TRUNG - ƯƠNG

Mme Vinh-thị, 71 Bd Rollandes Hanoi	1\$00
Mr et Mme Vũ-vân-Tịch	0.20
M. Đàm-văn-Ôc ở Sơn-tây	1.00
Cụ Bát. 10 Cửa Nam Hanoi	0.50
M. Nguyễn-ngọc-Soang, Kim-lũ Hadong	1.00
Hiệu ô-tô Đức Lâm	0.50
Vô danh	0.30
M. et Mme Trương-văn-Tiết, 16 Nam ngư Hanoi	0.50
Maison Đức-Xương, 60 <sup>a</sup> Hàng ngang Hanoi	0.50
Maison Gia-Long, 41 Hàng điều Hanoi	0.20
Mme Ngô-thị-Ngọc, 3, cité Văn-l' Hanoi	2.00
Bà Cụ Như 3, cité Văn-tân Hanoi	0.20
Một vi ở số nhà 21 Hàng Áo Hanoi	0.50
Hiệu Quảng-thái, 29 Hàng Bồ Hanoi	1.00
Mme Chính, 11 Rue Lagisquet Hanoi	0.50
M Phạm-vân-Trác, 16 G Lamblot Hanoi	0.50
Cụ cả Miêng, Đèn Ủng, 25-G, Lamblot Hanoi	0.50
Hiệu Quảng-thái, 8 Hàng hát đàn Hanoi	10 00
Nguyễn-thị-Mùi, 18 Nam-ngư Hanoi	2.00
Hiệu Phú-Nguyên, 40bis, Rne Vieille des tasses Hanoi	10.00
Bà Phán Ban, Cité Tân-hưng Hanoi	1 00
Bà Phán Hạnh, 12 Tân-hưng Hanoi	0.50
Vô danh	0.50
Vô danh	0.20
Hiệu Nam-Sơn, 71 Hàng-Lọng Hanoi	2.00
Mme Nguyễn-vân-Minh N. 4 Voie N. 2 (còn nữa)	1.00

*Cô con gái Phật hải châu*  
(TRUYỆN BÀ Ý-LAN. PHẬT HÓA  
LỊCH SỬ TIỂU THUYẾT)

(tiếp theo)

Với cái cảnh đang nuôi người ốm gần đất xa trời lúc đêm khuya nhà vắng, dưới cái tiếng gọi của tử-thần bởi cửa Nam-tào đã rút sỏ ấy, đáng kinh sợ rùng rợn biết bao.

Thế mà một cô bé, tóc mới rủ ngang vai, cửu-lanh-let tình tao từ chỗ bà chủ-phụ nằm bệnh ấy sẽ rón-rén bước xuống đất, tiếng cù vắn thông thả buông. Có đến bảm người đàn bà hám thuốc cho khỏi ngủ gật. Rồi cô ra giường thờ tổ-tiên ở gian giữa, tiếng con cù thần vẫn kêu gióng-giã, cô như không để ý, kiễng chân lên thắp hương và k' vái. Rồi cô cầm một cái đèn bông hoa bằng gỗ phật nhựa thông, ton-ton ra sân, tiếng con cù thần như càng đục-dũ, cô vẫn tự-nhiên đi đến chỗ cây hương thờ Phật, bắc ghế đứng lên khêu đèn thắp hương rồi đứng trang-nghiêm khấn vái cầu nguyện một cách rất thành tâm. Đoạn cô lại sách đèn bóng vào nhà ngay đánh thức những người bố già, lực-diễn và con ở gái cùng giậy đề lên nhà trên có việc cần kíp. Có bảo một người lực-diễn cầm đèn bóng đi mau đến một sớm xa gọi người dì ruột của cô. Cô thiếu-nữ ấy tức là Cô Cẩm đang nuôi bà mẹ ốm là bà Huyện Lê đã ốm gần một năm nay mà đêm hôm ấy là đêm ba giờ bệnh vậy.

Bà Huyện Lê từ hôm ngày đầu năm ra chùa lễ Phật về, người bị cảm nhưng vẫn gượng ngồi đánh xuốt và nghe con gái đọc bài học thấy con gái yếu quỳ ngày càng lở-lộ vừa đẹp vừa ngoan, thực như lời ở đám hội người ta quờ-quang gọi là một pho tượng ngọc-nữ thì bà cảm-động quá, sung-xướng quá, đứng lên ôm con và ngồi xuống ghế mà ngắm con



hơn con. Bỗng bệnh đầu đưa đến, thấy choáng váng rời-rã, phải bảo con giắt vào trong nhà đi nằm, thì người lịm đi bất tỉnh. Có Cám hoảng sợ rụng-rời, với hồ - hoán người nhà và cho gọi họ - hàng đến cứu cấp. Một lát Bà Huyện Lê tỉnh lại, nhưng từ đấy thì nằm liệt trên giường bệnh, qua mùa hạ mùa thu, sang mùa đông thuốc thang cầu-đào thế nào cũng không khỏi. Thầy thuốc cho bà là « chứng Hỏa hư thủy kiệt ».

Bên ông Huyện không có anh em ruột, bên bà thì có một người em gái nhưng, có chồng con cũng bận việc nhà, chỉ mỗi ngày một lần đến thăm chị và giặt-giũ công việc cho cháu.

Còn ông Huyện Lê đi nhậm một huyện ở mãi ngoài Hoành-bồ, từ hôm bà Huyện Lê bị bệnh, cô Cám và người nhà cho người mang thư đưa tin ra ngay. Ông Lê định xin phép về thăm vợ thì gặp có toán tàu ô giặc bề ở bên Tàu sang quấy rối vùng ven bể hạt ông, nên ông phải đi đánh duổi, vì thế không về được, ông chỉ gọt lệ viết thư gửi về an ủi vợ và nhờ hai bên họ hàng trông coi nuôi nấng giúp cho.

Thành ra cô Cám, đưa con gái hơn mười tuổi dâu phải thay quyền chủ-trương mọi việc trong nhà, nào nuôi mẹ ốm gần một năm trời nay nào chi-phát mọi khoản, tay hòm chìa khóa một mình. Dẫu người lớn sức khỏe đương cái cảnh ấy phải đến ốm lử người và mỗi một cả tinh thần. Thế mà cô Cám vẫn ngoan-ngoãn như thường, mắt vẫn tỉnh như mắt con sáo, ngoài khi trông coi việc nhà theo người đi dặn bảo, trong thì thấp hương lễ Phật cầu đảo cho mẹ thọ-tràng, cho cha làm việc nước được nên công-cán. Xong lại ngồi quạt đỡ siêu thuốc, bưng tráo cho mẹ ăn, không thì ngồi xát nên mình mẹ để hầu

bạ thay quần áo, lấy đồ đi đại tiểu không hề ngại tanh hôi và không một lúc nào quên nhấc. Ăn thì vơi-vàng, ngủ thì thường ngủ ngồi trên giường bệnh mẹ hay là kê ghế mình chợp đi một tí lại thức giậy ngay. Trong họ ngoài làng thấy thế ai cũng phải lấy cô Cám là một đứa trẻ dị-thường và khen là một đứa con chí-biểu bởi tính trời phù sẵn.

Gần đây Bà Huyện Lê đã hơi đỡ, thì đêm hôm ấy trở trời, bà trở bệnh, thấy khác mình, cho gọi người nhà giậy và bảo đi tìm em gái đến để di-chức cho em và con. Một lát người em tát tả ã, người nhà đều vào sùm quanh giường bệnh. Bà Lê tuy vẫn cầm tràng hạt đặt trên chần trước ngực khe-khe lẫn theo với những lời bà niệm Phật di dâm trong miệng. Tinh thần bà vẫn tỉnh, người vẫn sạch-sẽ, trông thấy con, em và người nhà đông đủ, bà buông tràng bặt ra trên ngực rồi cầm lấy tay trái cô Cám tỏ ra một cách yêu-mến thương-tiếc lẫn cuối cùng. Miệng bà lắp-bập trực nói. Cô Cám thấy cảm động nghẹn-ngào toan khóc thì người di vợi vỗ vào vai bảo :

« Cám, cháu đừng khóc, lắng mà nghe xem mẹ cháu dặn bao gì ..

Nghe lời di, Cám lấy can-dảm cầm ngay được chí, không khóc lên nữa, mặt chăm-chỉ nhìn vào mặt mẹ, tay phải ôm lấy ngực mẹ Bà Lê nói :

« — Cám, con yêu quý của u ơi; Khiết-nương, cô con Trời con Phật của chị để ơi ..

Bà gọi mỗi câu thì Cám lại « giã » một lời rồi Cám hớn hở báo tin mừng cho mẹ biết rằng.

« Tráp tổi có thư của thầy con đưa về, Bác Đờ Ba xem thư họ bảo tổi nay thầy con về đến kinh xin phép thì buổi mai về đến nhà đây, u ơi .. Bà liền nói :

— Không, u không hối hận gì về thầy con đâu. Thầy con phận là giai phải hồ-thỉ bốn phương đều ơn nước. U phận đàn bà phải giúp chồng nuôi dạy con cái ở nhà. Cả hai là một, đều làm hết phận-sự là được ».

Người em gái vội đỡ lời cháu mà rằng :

« Cám nó nói thật đấy chị ạ » Bà nói :

— Nếu thế càng hay, bằng không thì đã có cháu là đủ.

Nói thế rồi bà è lên một tiếng cho đờm vương trong cổ xuôi xuống rồi lại tiếp :

« — Khiết-nương ơi, nhà tuy hiếm hoi mà được có con, u cũng phu lòng. Nhưng số-phận u chỉ được ở với con có chừng ấy, phải bỏ con thơ-ngáy coi-cút lại trên đời, u thực lấy làm đau đớn ».

Bà nói đến đấy thì Cám và di đều không cầm lòng được và cùng khóc nức lên. Bà liền giơ tay ra hiệu cho cùng im cả đi để bà di-chức. Bà nói :

« Vậy con phải nhớ lời u rặn lại hai điều để khi khôn lớn lên mà ăn ở ở đời. Một là cha con còn trẻ khôn bề gì sống nuôi con, thế nào rồi cũng phải tìm người vợ kế, vậy con phải ăn ở với kẻ-mẫu chọn bề hiếu-thuận cho êm-thắm gia-đình. Hai là con là con cầu cửa Phật, trọn đời con phải tin theo đạo Phật, thờ Đức Quan-âm làm thầy giữ bản-mệnh, nhờ oai-thần người mà tự-độ lấy thân và độ cho mọi kẻ khác. Như vậy linh-hồn u sẽ được siêu-sinh về phương cực lạc, không còn ân-hận chút chi ».

(còn nữa)

Quảng tràng-Thiệt

# THỜI SỰ

## TIN TRONG NƯỚC

### Tin buồn làng Nho

Các nhà Nho-học nay còn loáng-thoáng, thế mà tháng trước nhà chí-sĩ lão thành Hoàng tăng-Bi Tiên-sinh, tháng này (ngày mồng 3 tháng 5 ta) nhà thi-sĩ Nguyễn-khắc-Hiểu Tiên-sinh cùng lục-tục ta-thế, Bản-báo không khỏi ngẫm ngùi cho làng cựu Nho. Với lễ tang Hoàng Tiên-sinh, hội Phật-giáo Bắc-kỳ đã thỉnh ban Đạo-sur hộ-niệm lên quý quán Đông ngac làm lễ hộ-niệm cho người. Nay với đám tang Nguyễn Tiên-sinh, Bản-báo lục đăng bài thơ viếng Tiên-sinh của ông Nguyễn-trọng-Thuật trong tòa-soạn, như sau này :

*Đêm he Hà-nội nóng như nung,  
Ran-rỉ cầm ve thêm nảo nùng.  
Trạnh niềm nhớ đến bác Ấm Hiểu,  
Một nhà Thi-sĩ, người bạn ngưỡng.  
— Một đời hi-sinh cho nghệ-thuật.  
Lánh xa danh-lợi cam nghèo cùng.  
Lấy rượu tiêu sầu, thơ khiến muộn,  
Cười đùa năm tháng với non sông.  
— Anh em biết nhau từng mấy thừa,  
Thư lâu đến ấy miền tỉnh Đông :  
Một cuốn Dương-minh, chén rượu nhạt,  
Trông ra vầng nhật đã nhòem xong.  
— Lại đây hôm nọ cuối tháng trước.  
Bác đến thăm lời phố hàng Bông,  
Mừng bác năm nay tăng khí-sắc,  
Đầu hói, tóc trắng, da đỏ hồng.  
— Nói cười hơn-hở như được của,  
Mà bót-lò-phơi vẫn rộng không.  
Yêu bác cái chỗ thân-nhiên ấy,  
Quý Bác cái đời sống sạch trong.*

— Bông đầu đọc báo thấy tin bác,  
 Thực-hành quấy sách lên Tiên-cung.  
 Sao chẳng dẫn ngài tàn lẩn kịch,  
 Róc bầu, cười phá, cho kẻ lòng.

Ng. tr. Thuật kính viếng

## TIN THẾ-GIỚI

Rừng học bên Pháp, năm nay 75.000 Thi-sinh  
 lớp Tú-tài

Bên Pháp năm nay ký thi Tú-tài, số thi-sinh tới 75.000, so với bên này, kỳ thi Tú-tài ở Hanoi năm nay có 800 thi-sinh, thế mà nhiều người đã lắc đầu lè lưỡi cho là quá đông. Hợp cả cõi Đông-dương lại mới được tất cả là hơn 2000 thi-sinh, thì đã thắm vào đầu. Nhưng ở bên Pháp, số lấy đỗ đến gần một nửa mà ở Đông-dương chỉ lấy đỗ được có vài chục người, nghĩa là chưa được một phần trăm. Vậy biết ở bên này số lấy đỗ nghiệt hơn ở bên Pháp.

Theo chương trình học vẫn ngày nay, học trò học đến lớp Tú-tài mới là có đủ cái tri-thức phổ-thông, nếu người học nữa lên thì lớp Tú-tài là dự bị cho các khoa cao học. Còn người thôi học thì mới đủ tri-thức phổ-thông để ứng dụng về sau. Vậy mong Nhà-nước Bảo-hộ gia ý về việc giáo-dục lớp Tú-tài, tức là lớp trung-đẳng học cho chu đáo và lấy số đỗ cho rộng hơn năm nay, cho thanh-niên xứ này được dễ-dàng tới bậc trung-đẳng học vẫn mà sẵn có người có tư cách cho nước dùng với cái thời thế xứ này ngày nay.

### Tình hình biên giới Pháp

Theo lời Thủ-tướng Daladier nói tại hạ Nghị-viện buổi bế-mạc vừa rồi mà tin Paris ngày 27 Juin đã nói, thì ta biết tình-thế ở biên-giới Pháp đang nghiêm trọng lắm. Thủ-tướng nói : « Có một việc ở hẳn trên các việc khác ; Từ 20 năm nay không bao giờ tình-hình lại nghiêm trọng như ngày này. Ở ngoài biên thù chúng ta có lời ba

triệu quân (Thủ-tướng muốn chỉ về quân ngoại quốc, nhất là quân Đức). Ấy là không kể những đoàn người thuộc những hội huấn-luyện quân-sự, ở trong thì các sườn máy làm việc như bảo tháp. Người ta còn nói sẽ có nhiều toán quân lớn tập trung nữa. Người ta còn cõ-dộng cho cuộc đồng minh Anh-Pháp bị vỡ.... Nhưng sau Thủ-tướng nói đã phá tan được những cuộc cõ-dộng trên ấy rồi.

### Việc Trung Nhật chiến tranh

#### *Nhật lảng-nhục người Anh ở Thiên-tân*

Phong tỏa tô-giới Anh ở Thiên-tân, quân Nhật cấm vận tải đồ ăn vào tô-giới Anh, lại khám xét người ra vào chỗ tô-giới Anh ấy, dù người Âu-châu dù là đàn bà, Nhật cũng không nề, bắt tạt xiấy, cởi áo quần đứng lỏa-lõ để khám, có người bị đứng chờ ở dưới nắng đến 2, 3 giờ chữa cho đi. Duyên cớ chỉ là vì người Anh trú ẩn 4 người Tàu mà Nhật cho là đã ám-xát một người Tàu thụ quan thuế của Nhật mà không chịu đưa ra. Vì thế tô-giới Pháp ở đó cũng bị ảnh-hưởng. Nay việc khám ấy nghe như đã nơi tay.

#### *Nhật lại thắng thế ở Hoa-nam*

Lấy Sán-dầu, một phụ-dầu lớn gần Quảng-châu rất dễ-dàng, quân Nhật kiểm-soát tàu khách của Anh, hạn chế việc tải lương-thực của người Anh đem vào Sán-dầu.

Tin Hương-cảng ngày 26 Jun của Pháp nói quân Nhật đã chiếm hòn đảo Nam-băng ở giữa đường Hương-cảng Quảng-châu-loan và đã lập một đường bay ở đấy. Lấy xong Sán-dầu, Nhật cho quân tiến đánh Triều-châu một thành trấn cách Sán-dầu 42 cây số và cho 20 chiếc thủy-phi-cơ đến hội trấn.

Tin 27 Jun của Pháp nói quân Nhật đã chiếm Triều-châu hồi 10 giờ rưỡi ngày hôm ấy.

## Việc làm chùa-Hội-quán Trung-ương

Theo biên-bản hội đồng bên lặt giới ngày 19 Octobre và biên-bản hội đồng Quán-trị ngày 24 Octobre 1937 thì các hội viên trong-hội đều cùng góp mỗi vị một đồng \$100 để lấy tiền khởi công làm chùa Hội-quán.

Vậy xin dâng phương danh các vị hội viên chi hội Thủy-anh Thái-bình đã cùng góp lên báo chương để các thiện-tín thập-phương chứng giám.

Các vị : Trần thị Huy Bùi thị Viên, Phạm bìu Nghiên, Nguyễn quang Liệu, Nguyễn thị Lạc, Lê văn Kham, Bùi thị Sửu, Đoàn Tô, Lê văn Chắp, Nguyễn duy Tương, Nguyễn thị Tiên, Nguyễn duy Dương, Nguyễn thị Rao, Nguyễn thị Hoát Tô thị O, Bùi đức Lang, Bùi thị Chông, Nguyễn ngọc Huyền, Tô Thiệu, Nguyễn hữu Lương, Trần mông Lân, Vũ kích Chi, Mai thị Thoa, Vũ như Trác, Phạm thị Chúc, Nguyễn văn Thực, Phan văn Phức, Bùi đức Nhuận.

---

### KÍNH TRÌNH THẬP PHƯƠNG GIÁO HỮU CHI HỘI BÌNH GIANG HẢI DƯƠNG

---

Chi hội Phật-giáo Bình-giang Hải-dương mới thành lập tôi có giữ chức thủ quỹ cho chi hội cho đến lúc Từ-gia chúng tôi quá cố mất đi về, công việc nhà hạn tôi từ chức và tính toán sổ sách đã xong rồi, cho đến khi tôi không ở dưới ấy tôi lên Haoui buôn bán về việc hội tôi không biết nữa, vậy quý vị nào muốn hỏi tôi điều gì về việc hội khi tôi còn làm thủ quỹ xin gửi thư cho tôi sin phúc đáp lại ngay. Maison Đức-lợi Đỗ đình Hoat Porchelaine 97 Rue des Tasses Hanoi.

---

### GIẤY NÓI

Số 836 : Cụ Chánh Hội-trưởng, Thái-bà-ấp.

Số 832 : Nhà in Đ. T. chùa Quán-sứ, số 73 Richard Hanoi

---

# HỢP THO

(Các vị đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ bằng Mandat)

Bản báo mới tiếp được quyền Phụ-nữ với Đạo-đức (La femme et la morale) do bà Diệu-Không 2 Rue Jules Ferry soạn. Quyền sách này mục đích để làm tài liệu cho chị em thanh niên nghiên cứu và mở mang thêm về đường phụ nữ trí thức, thật rất bổ ích cho phụ-nữ ở xứ ta.

Vậy xin cảm ơn tác-giả, và giới thiệu cùng độc-giả.

Cùng các Độc-giả Đuốc-Tuệ - Báo Đuốc-Tuệ số 1 đến số 75 đã hết.

M. M. Bài quang Đạo Cần thơ (100-123)	1\$50
Phan Triệu Quảng nam (77-99)	1 50
Trần dương Triệu Nam đình (66-111)	3 00
Nguyễn thị Nữ Gò công (76-106)	1.99
Đỗ văn Trường Phontiou (43-94)	3 00
Đạo đức Vinh Thakhek	5 00
Trần văn Đát Bắc Liêu (107-123)	1 50
Dương tấn Phát Long xuyên (97-123)	1.50
Trần ngọc Quang Ninh-bình (76-99)	1.50

Cảm ơn các độc-giả đã trả tiền Đ. T. Còn vị nào chưa trả xin gửi trả ngay cho cảm ơn.

Ông Nguyễn-văn-Biên Thái-bình. - Xin ngân-phát tạm thu ngay tiền báo cho, được bao nhiêu xin ngài gửi mandat về, cảm ơn Đ. T.

## KÍNH CÁO

Báo Đuốc-Tuệ số 114 kỳ 1er Juillet này, vì công việc bận chưa ra kịp, này Bản-báo hoãn đến hôm 20 Juillet.

Vậy Bản-báo có lời kính cáo để các độc-giả biết.

Imp. ĐUỐC-TUỆ

• Quản lý CUNG-ĐÌNH-BÌNH